

Số: **38** /TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **10** tháng **3** năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác,  
sử dụng khoáng sản đến năm 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 20/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc Hội về hợp nhất Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3330/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2020, có tính đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh về phê duyệt bổ sung quy hoạch mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030;

Xét kết quả rà soát, đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường và căn cứ Điều 12 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; UBND tỉnh báo cáo và trình HĐND tỉnh xem xét bổ sung 05 điểm mỏ đất với diện tích 89,92 ha, tài nguyên dự báo 4,15 triệu m<sup>3</sup> vào quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản giai đoạn đến năm 2030, cụ thể:

1. Mỏ đất Hợp Thịnh thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh với diện tích 39,5ha, tài nguyên dự báo 2.100.000m<sup>3</sup>.

2. Mỏ đất Khe Cáy thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh với diện tích 10,2ha, tài nguyên dự báo 350.000m<sup>3</sup>.

3. Mỏ đất Vĩnh Chấp thuộc xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh với diện tích 14,5ha, tài nguyên dự báo 290.000m<sup>3</sup>.

4. Mỏ đất thôn Bản Chùa thuộc xã Cam Tuyên, huyện Cam Lộ với diện tích 14,7ha, tài nguyên dự báo 588.000m<sup>3</sup>.

5. Mỏ đất xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng với diện tích 11,02ha, tài nguyên dự báo 826.422m<sup>3</sup>.

Các khu vực mỏ trên nằm xa khu dân cư, không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Việc đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác các mỏ đất làm vật liệu san lấp này sẽ đảm bảo cung cấp vật liệu san lấp cho các công trình, dự án trọng điểm, động lực triển khai trong giai đoạn tới.

(Có tài liệu liên quan kèm theo).

UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh quan tâm xem xét, giải quyết. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS-HĐND tỉnh;
- Các Sở: TNMT, XD, CT;
- UBND các huyện: Vĩnh Linh, Cam Lộ, Hải Lăng, Triệu Phong, Đakrông;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH<sub>U</sub>, KT. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Hưng**

**PHỤ LỤC: TỌA ĐỘ CÁC KHU VỰC ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH  
THĂM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN ĐẾN NĂM 2030**  
(Kèm theo Tờ trình số: **38**/TTr-UBND ngày **10** tháng **3** năm 2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

TT	Tên điểm mỏ quy hoạch	Vị trí hành chính	Tổng diện tích (ha)	Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng đến năm 2030			Tài nguyên cấp 333 (m <sup>3</sup> )
				Tọa độ điểm góc (Hệ VN2000, KTT 106 <sup>0</sup> , MC 3 <sup>0</sup> )			
				Điểm góc	X (m)	Y (m)	
1	Mỏ đất Hợp Thịnh	Thôn Quảng Xá, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh	39,5	1	1884787	571075	2.100.000
				2	1884883	571175	
				3	1885607	570797	
				4	1885512	570792	
				5	1885349	570618	
				6	1885328	570613	
				7	1885258	570414	
				8	1885243	570248	
				9	1885076	570185	
				10	1884869	570498	
				11	1884892	570703	
				12	1884819	570713	
				13	1884821	570832	
				14	1884867	570914	
2	Mỏ đất Khe Cáy	Thôn Quảng Xá, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh	10,2	1	1884960	570342	350.000
				2	1885067	570182	
				3	1884881	570052	
				4	1884860	570058	
				5	1884754	570021	
				6	1884712	570051	
				7	1884672	570011	
				8	1884469	570075	
				9	1884452	570156	
				10	1884597	570227	
				11	1884645	570268	
				12	1884779	570165	
3	Mỏ đất Vĩnh Cháp	Xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh	14,5	1	1891766	572400	290.000
				2	1891842	572482	
				3	1891720	572937	
				4	1891638	573089	
				5	1891519	573045	
				6	1891565	572945	
				7	1891515	572857	
				8	1891572	572611	
				9	1891485	572479	
4	Mỏ đất Bàn Chùa	Thôn Bàn Chùa, xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ	14,7	1	1861884	570158	588.000
				2	1861933	570386	
				3	1861792	570415	
				4	1861792	570535	
				5	1861484	570512	
				6	1861485	570128	

5	Mỏ đất Hải Sơn	xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng	11,02	1	1839340	605839	826.422
				2	1839418	605872	
				3	1839458	606017	
				4	1839594	606199	
				5	1839742	606222	
				6	1839685	606378	
				7	1839486	606303	
				8	1839345	606356	
				9	1839265	606015	
				10	1839362	605988	

Số: /NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản  
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ 13**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Văn bản họp nhất số 20/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018 của Văn phòng Quốc Hội về họp nhất Luật Khoáng sản;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../...../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấp thuận “Kết quả rà soát bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2030” thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Bổ sung 05 điểm mỏ đất với diện tích 89,92 ha, tài nguyên dự báo 4,15 triệu m<sup>3</sup> vào quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản giai đoạn đến năm 2030, cụ thể:

- Mỏ đất Hợp Thịnh thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh với diện tích 39,5 ha, tài nguyên dự báo 2.100.000 m<sup>3</sup>.

- Mỏ đất Khe Cáy thuộc xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh với diện tích 10,2 ha, tài nguyên dự báo 350.000 m<sup>3</sup>.

- Mỏ đất Vĩnh Cháp thuộc xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh với diện tích 14,5 ha, tài nguyên dự báo 290.000 m<sup>3</sup>.

- Mỏ đất thôn Bản Chùa thuộc xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ với diện tích

14,7 ha, tài nguyên dự báo 588.000 m<sup>3</sup>.

- Mỏ đất xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng với diện tích 11,02 ha, tài nguyên dự báo 826.422 m<sup>3</sup>.

*(Có toạ độ các khu vực như phụ lục kèm theo).*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đánh giá tác động môi trường, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết đúng theo quy định của Luật Khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản hiện hành.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khoá VIII, Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày .... tháng .... năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- TT. TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VPTU, VPUBND tỉnh, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh,
- Các Sở, ngành: TN&MT, TC, KBNN, Cục thuế;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, tp;
- Trung tâm tin học- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS;

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Quang**

**PHỤ LỤC: TỌA ĐỘ CÁC KHU VỰC MỎ KHOÁNG SẢN BỔ SUNG  
VÀO QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030**

*(Kèm theo Nghị Quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

TT	Tên điểm mỏ quy hoạch	Vị trí hành chính	Tổng diện tích (ha)	Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng đến năm 2030			Tài nguyên cấp 333 (m <sup>3</sup> )
				Tọa độ điểm góc (Hệ VN2000, KTT 106 <sup>0</sup> , MC 3 <sup>0</sup> )			
				Điểm góc	X (m)	Y (m)	
1	Mỏ đất Hợp Thịnh	Thôn Quảng Xá, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh	39,5	1	1884787	571075	2.100.000
				2	1884883	571175	
				3	1885607	570797	
				4	1885512	570792	
				5	1885349	570618	
				6	1885328	570613	
				7	1885258	570414	
				8	1885243	570248	
				9	1885076	570185	
				10	1884869	570498	
				11	1884892	570703	
				12	1884819	570713	
				13	1884821	570832	
				14	1884867	570914	
2	Mỏ đất Khe Cáy	Thôn Quảng Xá, xã Vĩnh Long, huyện Vĩnh Linh	10,2	1	1884960	570342	350.000
				2	1885067	570182	
				3	1884881	570052	
				4	1884860	570058	
				5	1884754	570021	
				6	1884712	570051	
				7	1884672	570011	
				8	1884469	570075	
				9	1884452	570156	
				10	1884597	570227	
				11	1884645	570268	
				12	1884779	570165	
3	Mỏ đất Vĩnh Cháp	Xã Vĩnh Cháp, huyện Vĩnh Linh	14,5	1	1891766	572400	290.000
				2	1891842	572482	
				3	1891720	572937	
				4	1891638	573089	
				5	1891519	573045	
				6	1891565	572945	
				7	1891515	572857	
				8	1891572	572611	
				9	1891485	572479	
4	Mỏ đất Bàn Chùa	Thôn Bàn Chùa, xã Cam Tuyền, huyện	14,7	1	1861884	570158	588.000
				2	1861933	570386	
				3	1861792	570415	

		Cam Lộ		4	1861792	570535	
				5	1861484	570512	
				6	1861485	570128	
5	Mỏ đất Hải Sơn	xã Hải Sơn, huyện Hải Lăng	11,02	1	1839340	605839	826.422
				2	1839418	605872	
				3	1839458	606017	
				4	1839594	606199	
				5	1839742	606222	
				6	1839685	606378	
				7	1839486	606303	
				8	1839345	606356	
				9	1839265	606015	
				10	1839362	605988	